

Bản án số: 52/2018/HS-ST
Ngày: 19/4/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Ngọc Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thành Viên

Bà Nguyễn Thị Mai Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2018 tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2018/TLST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41-1/2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2018 đối với các bị cáo:

1/- Lê Văn S, sinh năm: 1989, tại: Quảng Ngãi; hộ khẩu thường trú: thôn 6, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; Chỗ ở: số 355/12 đường T, Phường 1, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn S và bà Võ Thị H; Chưa có vợ; tiền sự: Không; tiền án: Không; Bị bắt tạm giam ngày: 22/8/2017; (Có mặt).

2/- Nguyễn Văn H, sinh năm: 1979, tại: Đà Nẵng; hộ khẩu thường trú: thôn A, xã B, huyện C, thành phố Đà Nẵng; chỗ ở: 43 tổ 49 khu phố 3, phường N, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: bán cơm; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị L; Có vợ Nguyễn Thị M, sinh nam 1983 và có 02 con lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2011; tiền sự: Không; tiền án: Không; Bị bắt tạm giam ngày: 22/8/2017; (Có mặt).

3/- Nguyễn Lê Hữu Tr, sinh năm: 1988, tại: Khánh Hòa; hộ khẩu thường trú: số 38 X, phường P, thành phố G, tỉnh Khánh Hòa; Chỗ ở: số 34/12 tổ 37 khu phố 3, phường N, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Sinh viên trường

Đại học quốc tế Hồng Bàng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị T; Chưa có vợ; tiền sự: Không; tiền án: Không; Bị bắt tạm giam ngày: 22/8/2017; (Có mặt).

Bị hại:

1/- Bà Hồ Thị Thanh N, sinh năm: 1963; trú tại: số 125/20/1 đường số O, Phường O, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt). 2/- Anh Đoàn Tấn T, sinh năm: 1995; trú tại: số 125/20/1 đường số O, Phường O, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt). 3/- Chị Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm: 1972; trú tại: số 73/34 H, Phường B, quận P; chỗ ở: số 125/6 đường số O, Phường O, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt). 4/- Anh Lê Trung K, sinh năm: 1992; trú tại: số 88/K62 xã R, huyện N, tỉnh Đắk Nông; Chỗ ở: số 78/10/5 đường số E, Phường O, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt). 5/- Chị Nguyễn Thị Thu P, sinh năm: 1992; HKTT: số 23, thôn P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đắk Nông; Chỗ ở: số 78/10/5 đường số E, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt). 6/- Chị Bùi Thị Thu Y, sinh năm: 1988; trú tại: Đội 7 L, tỉnh Bình Định; Chỗ ở: số 888/18 đường Q, Phường T, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt). 7/- Anh Trần Thái N, sinh năm: 1986; trú tại: xã H, thị xã A, tỉnh Bình Định; Chỗ ở: số 888/18 đường Q, Phường T, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt). 8/- Anh Trần Thái H, sinh năm: 1982; trú tại: xã H, thị xã A, tỉnh Bình Định; Chỗ ở: số 888/18 đường Q, Phường T, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt). 9/- Anh A L, sinh năm: 1995; trú tại: P, C, tỉnh An Giang; Chỗ ở: số 1074/48/14 đường Q, Phường T, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt). 10/- Chị Lê Thị Mỹ T, sinh năm: 1995; trú tại: E, F, tỉnh Khánh Hòa; Chỗ ở: số 202/2 đường số 1, Phường S, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt). 11/- Anh Trần Đình T, sinh năm: 1996; trú tại: I, xã F, tỉnh Bình Định; Chỗ ở: số 202/2 đường số 1, Phường S, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt). 12/- Ông Lê Minh T, sinh năm: 1975; trú tại: P, C, tỉnh An Giang; Chỗ ở: số 1074/48/14 đường Q, Phường T, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt). 13/- Chị Đỗ Thị T, sinh năm: 1983; trú tại: tổ 9 thị trấn Md, tỉnh Đắklăk; Chỗ ở: số 43/4 đường V, Phường O, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/- Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm: 1976; HKTT: số 2021/23/16/3 khu phố 2, phường N, Quận H; Chỗ ở: số 184 đường R, phường U, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt). 2/- Bà Lê Thị Tuyết N, sinh năm: 1979; HKTT: E, F, tỉnh Khánh Hòa; (Vắng mặt). 3/- Anh Nguyễn Trọng K, sinh năm: 1990; HKTT: L, A H, A N, tỉnh Bình Định; (Vắng mặt). 4/- Ông Phạm Văn T; HKTT: Thôn 1, HT,DK,HP; (Vắng mặt). 5/- Ông Phạm Văn D; HKTT: HB, TH,TL,HP; (Vắng mặt). 6/- Ông Huỳnh Văn T; HKTT: số 103/3 khu phố 2A, phường Đ, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt). 7/- Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm: 1962; HKTT: số 38 đường X, phường P, thành phố G, tỉnh Khánh Hòa; (Vắng mặt). 8/-

Ông Huỳnh Kỳ H, sinh năm: 1961; HKTT: số 38 đường X, phường P, thành phố G, tỉnh Khánh Hòa; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ ngày 21/8/2017 Công an Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh trên đường tuần tra phát hiện Lê Văn S và Nguyễn Lê Hữu Tr có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra hành chính và đưa về trụ sở làm việc. Qua truy xét, Cơ quan điều tra mời thêm đối tượng Nguyễn Văn H đến trụ sở Công an làm việc.

Tại Cơ quan điều tra Lê Văn S, Nguyễn Lê Hữu Tr và Nguyễn Văn H đã khai nhận cùng thực hiện 7 vụ trộm cắp trên địa bàn quận Gò Vấp cụ thể:

Vụ thứ nhất: khoảng 02 giờ ngày 05/7/2017 Lê Văn S điều khiển xe gắn máy (không rõ biển số) chở Nguyễn Lê Hữu Tr dạo các tuyến đường quận Gò Vấp tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. Khi đi đến đường số O, Phường O, quận G thấy nhà số 125/20/1 do anh Đoàn T làm chủ. Phát hiện cửa chính có lỗ hổng để mở khóa và chìa khóa đang để trên bàn cách khoảng 1m5, S liền dùng cây móc chìa khóa và mở cửa lén lút lấy trộm 01 xe Yamaha Exciter biển số 59V1 – 704.79, 01 laptop và 03 điện thoại di động gồm: 01 Nokia, 01 Samsung và 01 hiệu Fitell đem ra chỗ Tr đang đứng đợi thì thấy B (chưa xác định được lai lịch). S liền báo với Tr về nhà trước còn S và B quay lại vào nhà lấy trộm tiếp, B lấy 01 xe Wase RS biển số 59V1 – 864.60 sau đó tẩu thoát B đem bán được 3.000.000 đồng và đã tiêu xài 1 mình hết, S bán chiếc xe Yamaha Exciter biển số 59V1 – 704.79 cho 01 đối tượng tên T (không rõ lai lịch) được 8.000.000 đồng, 01 điện thoại Samsung A5 được 2.000.000 đồng, máy laptop Asus được 2.500.000 đồng cho anh Nguyễn Ngọc H. Số tiền bán được là 12.500.000 đồng S chia cho Tr 5.000.000 đồng còn 01 điện thoại S cho Tr, sau đó Tr cho lại B sử dụng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 08/KL ngày 03/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp kết luận:

- Giá trị chiếc xe Wase RS là 10.167.000 đồng (không thu hồi được).
- Giá trị chiếc xe Exciter là 20.167.000 đồng (không thu hồi được).

Đối với 01 laptop và 03 điện thoại di động gồm: 01 Nokia, 01 Samsung và 01 hiệu Fitell do không có hóa đơn chứng từ, không xác định được thông số kỹ thuật nên không định giá được.

Ngày 05/7/2017 anh Đoàn T đến Công an Phường O, quận G trình báo.

Anh Nguyễn Ngọc H sau khi mua điện thoại và laptop đã bán lại cho khách vắng lai tổng cộng 5.000.000 đồng, thu lợi được 500.000 đồng. Ngày 22/8/2017 anh H đã tự nguyện giao nộp số tiền 500.000 đồng, khi mua điện thoại và máy tính xách tay anh H không biết đây là tài sản phạm tội mà có.

Vụ thứ hai:

Khoảng 2 giờ 30 ngày 08/7/2017 Lê Văn S điều khiển xe không rõ biển số chở B đi tìm tài sản trộm cắp. Khi đến nhà số 125/6 đường số O, Phường O, quận G do chị Nguyễn Thị Mỹ T làm chủ phát hiện cửa sổ để hở không có thanh chắn liền dừng xe lại và mở cửa cho B trèo vào. S và B lấy trộm 01 xe SH mode biển số 59E1 – 693.09 và 01 xe đạp, sau khi lấy trộm Sang đem bán chiếc SH mode cho đối tượng tên T1 (không rõ lai lịch) được 10.000.000 đồng, bán xe đạp cho 01 phụ nữ mua ve chai (không rõ lai lịch) được 400.000 đồng, cả hai mỗi người 5.000.000 đồng còn 400.000 đồng thì tiêu xài chung.

Ngày 08/7/2017 chị T đến Công an Phường O, quận G trình báo.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 18/KL ngày 10/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp kết luận:

- Giá trị chiếc xe SH mode là 45.500.000 đồng (không thu hồi được).

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 38/KL ngày 31/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp kết luận:

Chiếc xe đạp Specialized không có hóa đơn chứng từ, không xác định thông số kỹ thuật, thời gian sử dụng nên không có cơ sở kết luận chính xác trị giá tài sản.

Vụ thứ 3:

Khoảng 2 giờ ngày 17/7/2017 Lê Văn S điều khiển xe không rõ biển số chở Nguyễn Văn H đi tìm tài sản trộm cắp. Khi đến nhà số 78/10/5 đường số M, Phường M, quận G do anh Lê Trung K làm chủ phát hiện cửa lầu 1 nhà này không khóa nên dừng lại cảnh giới cho H leo vào lấy trộm tài sản. Trong lúc đứng cảnh giới thì B và Tr đi đến, vừa lúc đó H dắt trộm 01 xe Honda Vision biển số 48C1 – 115.68 ra thì H và S tẩu thoát. Tr, B và bạn của B ở lại tiếp tục vào lấy trộm được chiếc xe AirBlade biển số 15H1 – 232.85 tẩu thoát.

Sau khi lấy xe xong S bán cho T được 8.000.000 đồng S chia cho H 4.000.000 đồng. Riêng chiếc xe AirBlade biển số 15H1 – 232.85 B bán bao nhiêu không rõ và chia cho Tr 2.000.000 đồng.

Sau khi bị mất tài sản anh K đến Công an Phường 11, trình báo ngoài 02 chiếc xe bị mất trộm anh còn bị mất thêm 01 xe Jupiter biển số 16N9 – 3256, 01 Laptop Sony Vaio và 01 điện thoại Iphone 5.

Tuy nhiên Tr khai sau khi lấy được chiếc AirBlade thì B và Tr chạy đi, còn nhóm của B có lấy gì thêm không thì Tr không biết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 41/KL ngày 02/02/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp kết luận:

- Giá trị chiếc xe AirBlade là 33.333.000 đồng (không thu hồi được).

- Giá trị chiếc xe Jupiter là 8.000.000 đồng (không thu hồi được).

- Giá trị chiếc xe Vision là 25.833.000 đồng (không thu hồi được).

Riêng chiếc laptop hiệu Sony Vaio và điện thoại Iphone 5 định giá qua hồ sơ nhưng không có hồ sơ xác định được thông số kỹ thuật, chất lượng còn lại, Hội đồng định giá không có cơ sở xác định giá trị 02 tài sản trên.

Vụ thứ 4:

Khoảng 02 giờ ngày 20/7/2017 Lê Văn S điều khiển xe không rõ biển số chở Nguyễn Văn H và Hiệp (chưa xác định được lai lịch) sang địa bàn quận Gò Vấp tìm tài sản để trộm cắp. Khi đến nhà số 97/5B Q, Phường T, quận G do chị Bùi Thị Thu Y đứng tên sở hữu, S cảnh giới còn H và H1 đột nhập vào nhà lấy trộm gồm: 01 xe Vision biển số 77G1 – 328.05, 01 xe Yamaha Sirius biển số 77G1 – 065.51 của chị Bùi Thị Thu Y và 01 xe Yamaha Sirius biển số 77F1 – 007.30 của anh Trần Thái N. Sau đó cả 3 đem 3 chiếc xe bán cho T3 được 15.000.000 đồng và chia đều mỗi người 5.000.000 đồng.

Ngày 21/7/2017 chị Y và anh N đến Công an trình báo việc bị mất trộm gồm: 01 xe Vision biển số 77G1 – 328.05, 01 xe Yamaha Sirius biển số 77G1 – 065.51 và 01 xe Yamaha Sirius biển số 77F1 – 007.30. Ngoài ra còn mất 03 chiếc điện thoại di động 01 hiệu Nokia 3110C, 01 Asus Zenfone 2 và 01 Levono A 800, 1,5 chỉ vàng 9999, tiền ngân hàng nhà nước việt nam 800.000 đồng và 01 số giấy tờ tùy thân.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 25/KL ngày 17/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp kết luận:

- Giá trị chiếc xe AirBlade là 33.333.000 đồng (không thu hồi được).
- Giá trị chiếc xe Yamaha Sirius biển số 77F1 – 007.30 là 9.000.000 đồng (không thu hồi được).
- Giá trị chiếc xe Yamaha Sirius biển số 77G1 – 065.51 là 9.167.000 đồng (không thu hồi được).

Riêng 03 chiếc điện thoại định giá qua hồ sơ nhưng không có hồ sơ xác định được thông số kỹ thuật, chất lượng còn lại, Hội đồng định giá không có cơ sở xác định giá trị tài sản trên.

Vụ thứ 5:

Khoảng 02 giờ ngày 27/7/2017 Lê Văn S điều khiển xe không rõ biển số chở Nguyễn Văn H tìm tài sản để trộm cắp. Khi đến phòng trọ số 1264/50/5 Đ, Phường B, quận G do chị Đỗ Thị T làm chủ, H phát hiện chiếc xe Honda Leed biển số 47G1 – 155.56 của chị T đang dựng trong hẻm không người trông coi, H liền lén lút đến chiếm đoạt đem bán cho T3 được 7.000.000 đồng cả hai chia nhau tiêu xài.

Chị Đỗ Thị T đến Công an trình báo ngoài chiếc xe bị mất còn có số tài sản trong cặp xe gồm 01 sợi dây chuyền vàng trị giá 2.200.000 đồng và một số giấy tờ tùy thân.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 20/KL ngày 11/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp kết luận:

- Giá trị chiếc xe Honda Leed là 32.333.000 đồng (không thu hồi được).

Vụ thứ 6:

Khoảng 02 giờ ngày 06/8/2017 Lê Văn S điều khiển xe không rõ biển số chở Nguyễn Lê Hữu Tr, còn Ng (chưa xác định được lai lịch) cũng điều khiển xe không rõ biển số chở B tìm tài sản để trộm cắp. Khi đi ngang nhà số 202/2 đường số 1, Phường S, quận G do chị Lê Thị Mỹ T và anh Trần Đình T thuê ở thì phát hiện trong nhà có 03 xe gắn máy trên xe còn cắm sẵn chìa khóa, Tr và Ng cảnh giới còn S và B mở cửa vào lấy trộm được xe Yamaha Sirius 77D1 – 330.45, 01 xe Honda cup không rõ biển số, 01 xe Honda Dream biển số 79K9 – 8950 đem bán được cho T3 được 6.000.000 đồng chia cho 4 người, riêng Tr được chia 1.400.000 đồng.

Ngày 06/8/2017 chị Lê Thị Mỹ T và anh Trần Đình T đã đến Công an trình báo.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 206/KL ngày 28/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp kết luận:

- Giá trị chiếc xe Dream là 3.100.000 đồng (không thu hồi được).
- Giá trị chiếc xe cup 50 không có hóa đơn chứng từ, không có thông số kỹ thuật nên không định giá được (không thu hồi được).
- Giá trị chiếc xe Yamaha Sirius là 12.067.000 đồng (không thu hồi được).

Vụ thứ 7:

Khoảng 01 giờ 30 ngày 20/8/2017 Nguyễn Lê Hữu Tr điều khiển xe không rõ biển số chở Lê Văn S, còn Ng (chưa xác định được lai lịch) cũng điều khiển xe không rõ biển số chở Q (chưa xác định được lai lịch) tìm tài sản để trộm cắp. Trên đường đi đến đường Q Tr bỏ về trước, khi đi đến phòng trọ nhà số 1074/48/14 đường Q, Phường T, quận G phát hiện có nhiều xe gắn máy. S cảnh giới Ng và Q vào lấy trộm 01 xe AirBlade biển số 59G1 – 786.48 và 01 xe Honda Wase RS biển số 67H1 – 236.54. Sau khi lấy xong S gọi điện cho Nguyễn Văn H tìm nơi tiêu thụ, H môi giới gặp T4 (chưa rõ lai lịch), T4 giới thiệu một người phụ nữ (chưa rõ lai lịch) bán được 8.000.000 đồng chia đều cho S, Ng và Q. H đứng ra môi giới bán 2 xe được 8.700.000 đồng nên hưởng lợi được 700.000 đồng.

Ngày 22/8/2017 anh Lê Minh T và anh A L đến Công an trình báo và anh T còn khai bị mất 10.000.000 đồng để trong cốp xe. Tuy nhiên S chỉ thừa nhận chỉ lấy 2 chiếc xe còn tiền thì không biết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 235/KL ngày 03/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp kết luận:

- Giá trị chiếc xe AirBlade là 20.667.000 đồng (không thu hồi được).
- Giá trị chiếc xe Honda Wave là 8.500.000 đồng (không thu hồi được).

Về dân sự:

Những người bị hại trong các vụ trộm cắp yêu cầu bồi thường tổng số tiền là 279.600.000 đồng.

Ngày 17/01/2018 bà Nguyễn Thị Mỹ H (mẹ nuôi của Tr) đã tự nguyện đứng ra bồi thường cho anh K số tiền 33.000.000 đồng. Anh K đã nhận tiền và làm đơn bãi nại cho Tr và xin giảm nhẹ hình phạt, bà H không yêu cầu Tr trả lại số tiền nêu trên

Tại Cơ quan điều tra Lê Văn S, Nguyễn Văn H và Nguyễn Lê Hữu Tr đã khai nhận hành vi phạm tội .

Vật chứng thu giữ:

- 02 điện thoại di động: 01 hiệu Nokia màu trắng (của Sang), 01 Nokia màu đen (của Trí).

- 02 đồng hồ: 01 hiệu Julius màu vàng (của Trí) và 01 hiệu Neos màu trắng (của Sang).

- 01 chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe tên Lê Văn S.

- 01 USB màu đỏ, 01 ổ khóa ghi chữ USC.

- 01 chiếc gắn xe máy hiệu Wave có biển số 79F6 – 7836 qua xác minh do ông Huỳnh Kỳ H (cha nuôi của Tr) đứng tên đăng ký, ông H cho Tr mượn để làm phương tiện đi học.

- 01 giấy đăng ký xe mang tên Huỳnh Kỳ H.

- 01 hộ chiếu mang tên Nguyễn Lê Hữu Tr.

- Tiền NHNN VN 500.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 38/CTr-VKS, ngày 06/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp đã truy tố Lê Văn S, về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 đã có hiệu lực thi hành. Nguyễn Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 và về tội “tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 đã có hiệu lực thi hành. Nguyễn Lê Hữu Tr về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 đã có hiệu lực thi hành.

Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát sau khi luận tội và đưa ra quan điểm xét xử, căn cứ vào Nghị Quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc Hội và công văn số 04/TANDTC-PC ngày 09/01/2018, do hành vi của các bị cáo thực hiện trước 0 giờ 00 ngày 01/01/2018 nên Viện kiểm sát sẽ áp dụng Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 để truy tố đối với các bị cáo.

Đề nghị: Đề nghị: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm b khoản 1 Điều 48; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009;

- xử phạt bị cáo Lê Văn S từ 07 năm đến 07 năm 6 tháng tù.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138 và khoản 1 Điều 250; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 50; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009;

- xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 03 năm đến 04 năm tù về tội trộm cắp tài sản. từ 01 năm đến 01 năm 6 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, tổng hợp hình phạt đề nghị xử phạt từ 04 năm đến 05 năm 6 tháng tù.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm b,p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009;

- xử phạt bị cáo Nguyễn Lê Hữu Tr từ 02 năm đến 02 năm 6 tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm.

Áp dụng Điều 41; Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 và khoản 1, điểm a,b,c khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Tịch thu bổ sung chứng cứ hồ sơ 01 USB màu đỏ.

- Tịch thu và tiêu hủy 01 ổ khóa ghi chữ USC.

- Trả lại hai chiếc điện thoại di động gồm: 01 hiệu Nokia màu trắng (của Sang), 01 Nokia màu đen (của Trí).

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 500.000 đồng.

- Trả lại cho bị cáo Sang 01 đồng hồ hiệu Neos màu trắng, 01 giấy phép lái xe tên Lê Văn S và 01 chứng minh nhân dân tên Lê Văn S.

- Trả lại cho bị cáo Tr 01 đồng hồ hiệu Julius màu vàng và 01 hộ chiếu tên Nguyễn Lê Hữu Tr.

- Trả lại cho ông Huỳnh Kỳ H 01 chiếc xe gắn máy hiệu Wave có biển số 79F6 – 7836 và 01 giấy đăng ký xe mang tên Huỳnh Kỳ H.

Buộc các bị cáo S và H có trách nhiệm bồi thường theo yêu cầu của người bị hại.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H nộp lại số tiền thu lợi bất chính 700.000 đồng.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà hôm nay, sau khi Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp công bố bản cáo trạng thì Lê Văn S, Nguyễn Văn H và Nguyễn Lê Hữu Tr đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

[2] Đối chiếu lời khai của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại, cùng với tang vật đã thu giữ, phù hợp với kết luận điều tra của cơ quan Công an quận Gò Vấp, với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp và với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát trong quá trình Điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng.

Thực hiện theo tinh thần của Nghị Quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, do hành vi của bị cáo thực hiện trước 0 giờ 00 ngày 01/01/2018 nên Hội đồng xét xử sẽ áp dụng Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 để xử phạt bị cáo.

Do đó, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở pháp lý để cho rằng hành vi của Lê Văn S, Nguyễn Văn H và Nguyễn Lê Hữu Tr đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”. Riêng Nguyễn Văn H còn phạm thêm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” tội phạm và hình phạt tương tự được quy định tại các Điều 138 và Điều 250 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

[3] Lợi dụng sự sơ hở mất cảnh giác của người bị hại, các bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút đột nhập vào nhà lấy trộm tài sản rất táo bạo và liều lĩnh, hành vi của các bị cáo đã xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được Pháp luật và Nhà nước bảo hộ. Mặt khác, còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội và tác động xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Chỉ vì muốn tiêu xài phục vụ cho những nhu cầu cá nhân của mình mà không phải thông qua lao động chân chính các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, việc xử lý các bị cáo bằng biện pháp hình sự là hết sức cần thiết và đúng quy định của pháp luật, cần thiết phải có mức án xử lý nghiêm khắc nhằm có tác dụng giáo dục răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Đây là vụ án có đồng phạm nhưng thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, các bị cáo đồng lòng việc trộm cắp tài sản nên cần thiết xem xét vai trò và trách nhiệm lỗi của từng bị cáo khi lượng hình.

Trong vụ án này bị cáo Lê Văn S giữ vai trò chủ mưu tham gia toàn bộ các vụ trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt trên 200.000.000 đồng nên Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp truy tố bị cáo theo điểm a khoản 3 Điều 138 Bộ luật hình sự Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 là có cơ sở. Đối với bị cáo Nguyễn Văn H tham gia với vai trò đồng phạm tham gia cùng với Sang thực hiện 3 vụ trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản trên 100.000.000 đồng nên Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp truy tố bị cáo theo điểm e khoản 2 Điều

138 Bộ luật hình sự Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 là có cơ sở, ngoài ra Nguyễn Văn H còn tiếp tay cho S tiêu thụ 02 chiếc xe trộm cắp trị giá 29.167.000 đồng gây khó khăn cho việc thu hồi vật chứng nên Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 là có cơ sở, do đó khi lượng hình cần thiết tổng hợp hình phạt cả hai tội danh cho bị cáo. Đối với bị cáo Nguyễn Lê Hữu Tr tham gia với vai trò đồng phạm cảnh giới cho các bị cáo khác thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thực hiện 3 vụ với tổng giá trị tài sản trên 50.000.000 đồng nên Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp truy tố bị cáo theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 là có cơ sở.

Tại phiên tòa hôm nay Lê Văn S khai nhận không có việc làm ổn định chỉ trong thời gian ngắn đã liên tục thực hiện 7 vụ trộm cắp tài sản, sau khi tiêu xài xong lại tiếp tục thực hiện các vụ trộm cắp khác và xem như đây là nguồn sống chính của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là tình tiết tăng nặng phạm tội có tính chất chuyên nghiệp được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

[4] Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét cho các bị cáo một số tình tiết: Tại Cơ quan điều tra cũng như qua diễn biến phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thật thà khai báo thành khẩn nhận tội và tỏ ra ăn năn hối cải, gia đình các bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo để giảm nhẹ một phần hình phạt mà lẽ ra các bị cáo phải chịu.

Riêng đối với bị cáo Nguyễn Lê Hữu Tr đã thực hiện việc bồi thường cho tất cả những người bị hại trong 3 vụ trộm cắp tài sản cùng với S, những người bị hại đều có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xét nhân thân bị cáo tốt là sinh viên đang học tại trường Đại học quốc tế Hồng Bàng, gia đình là nhà giáo được tặng thưởng kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục. Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo phạm tội do bị rủ rê lôi kéo bóc đồng chỉ tham gia với vai trò cảnh giới, thời gian bị tạm giữ tạm giam từ ngày 22/8/2017 đến nay cũng đủ tác dụng giáo dục và răn đe cho bị cáo. Tại phiên tòa hôm nay Viện kiểm sát đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo có thời gian thử thách, Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, việc cho bị cáo được tại ngoại không gây nguy hiểm cho xã hội, cần tạo điều kiện cho bị cáo tiếp tục con đường học tập làm lại cuộc đời, cần thiết cho bị cáo được tại ngoại phù hợp với Điều 60 của Bộ luật hình sự đối với người mới phạm tội lần đầu mà biết ăn năn hối cải, phù hợp với tính nhân đạo của pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

[5] Về hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 138 và khoản 5 Điều 250 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xét tính chất vụ án và hoàn cảnh của các bị cáo Hội đồng xét xử quyết định miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa hôm nay những người bị hại: Bà Hồ Thị Thanh N, anh Đoàn Tấn T, anh Lê Trung K, chị Lê Thị Mỹ T vắng mặt. Nhưng qua hồ sơ thể hiện bà N và anh Đoàn Tấn T đã được bồi thường số tiền 35.000.000 đồng, anh Lê Trung K

số tiền 33.000.000 đồng, anh Trần Đình T số tiền 8.000 .000 đồng và chị Lê Thị Mỹ T số tiền là 5.000.000 đồng từ gia đình bị cáo Nguyễn Lê Hữu Tr (là những người bị hại trong ba vụ trộm cắp mà Nguyễn Lê Hữu Tr đã tham gia cảnh giới) tất cả không còn thắc mắc khiếu nại gì và xin bãi nại giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Tr.

Đối với những người bị hại trong các vụ trộm cắp còn lại do Lê Văn S, Nguyễn Văn H và các đối tượng khác thực hiện: chị Nguyễn Thị Thu P (ủy quyền cho anh Lê Trung K là chồng), chị Nguyễn Thị Mỹ T, chị Bùi Thị Thu Y, anh Trần Thái N, anh Trần Thái H, chị Đỗ Thị T, anh Lê Minh T và anh A L tại phiên tòa hôm nay vắng mặt, nhưng qua hồ sơ thể hiện chị Nguyễn Thị Thu P yêu cầu được bồi thường chiếc xe Vision biển số 48C1 – 115.68 số tiền 20.000.000 đồng (do S trộm cắp cùng H), chị Nguyễn Thị Mỹ T yêu cầu được bồi thường chiếc xe SH mode biển số 59E1 – 693.09 số tiền 45.000.000 đồng (do S trộm cắp cùng B), chị Bùi Thị Thu Y yêu cầu bồi thường chiếc xe Vision biển số 77G1 – 328.05 số tiền 29.500.000 đồng và chiếc xe Yamaha Sirius biển số 77G1 – 065.51 số tiền 9.000.000 đồng, anh Trần Thái N yêu cầu bồi thường chiếc xe Yamaha Sirius biển số 77F1 – 007.30 số tiền 9.000.000 đồng, anh Trần Thái H yêu cầu bồi thường 02 chiếc điện thoại số tiền 4.000.000 đồng (do Sang trộm cắp cùng H và H1), chị Đỗ Thị T yêu cầu bồi thường chiếc xe Honda Leed biển số 47G1 – 155.56 số tiền 35.000.000 đồng (do S trộm cắp cùng H), anh Lê Minh T yêu cầu bồi thường chiếc xe Honda Airblade biển số 59G1 – 786.48 số tiền 20.000.000 đồng, anh A L yêu cầu bồi thường chiếc xe Honda Wave biển số 67H1 – 236.54 số tiền 12.000.000 đồng (do S trộm cắp cùng Ng và Q).

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo S và bị cáo H đồng ý bồi thường theo yêu cầu của những người bị hại.

Hội đồng xét xử nhận thấy đây là yêu cầu và sự thỏa thuận tự nguyện không trái pháp luật nên ghi nhận. Xét thấy bị cáo H tham gia cùng bị cáo S thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản nên bị cáo H và bị cáo S phải chịu trách nhiệm cùng bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thu P 20.000.000 đồng, chị Đỗ Thị T số tiền 35.000.000 đồng, chị Bùi Thị Thu Y số tiền 38.500.000 đồng, anh Trần Thái N số tiền 9.000.000 đồng và anh Trần Thái H số tiền 4.000.000 đồng. Bị cáo S có trách nhiệm bồi thường cho chị Nguyễn Thị Mỹ T số tiền 45.000.000 đồng, anh Lê Minh T 20.000.000 đồng và anh A L số tiền 12.000.000 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 USB màu đỏ là chứng cứ vụ án Hội đồng xét xử quyết định tịch thu bổ sung chứng cứ hồ sơ.

- Đối với 01 ổ khóa ghi chữ USC là tang vật vụ án không còn giá trị sử dụng, Hội đồng xét xử quyết định tịch thu và tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại hiệu Nokia màu trắng, 01 đồng hồ hiệu Neos màu trắng, 01 giấy phép lái xe tên Lê Văn S và 01 chứng minh nhân dân tên Lê Văn S là tư vật của bị cáo Hội đồng xét xử quyết định trả lại cho bị cáo S.

- Đối với 01 điện thoại Nokia màu đen, 01 đồng hồ hiệu Julius màu vàng và 01 hộ chiếu tên Nguyễn Lê Hữu Tr là tư vật của bị cáo Hội đồng xét xử quyết định trả lại cho bị cáo Tr.

- Đối với 500.000 đồng thu giữ của anh Nguyễn Ngọc H là tiền thu lợi bất chính, Hội đồng xét xử quyết định tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Đối với 01 chiếc xe gắn máy hiệu Wave có biển số 79F6 – 7836 và 01 giấy đăng ký xe mang tên Huỳnh Kỳ H, qua xác minh do ông Huỳnh Kỳ H đứng tên sở hữu, ông H đưa Nguyễn Lê Hữu Tr làm phương tiện đi học việc Tr sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội ông H không biết, xét thấy xe có nguồn gốc rõ ràng Hội đồng xét xử quyết định trả lại cho ông Huỳnh Kỳ H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Lê Văn S, Nguyễn Lê Hữu Tr phạm tội “Trộm cắp Tài sản”; Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp Tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm b khoản 1 Điều 48; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo Lê Văn S 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày tạm giữ, tạm giam 22/8/2017.

Căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 138; khoản 1 Điều 250; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 50; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 03 (ba) năm tù về tội “Trộm cắp Tài sản” và 01 (năm) tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tổng hợp hình phạt cho cả hai tội danh buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày tạm giữ, tạm giam 22/8/2017.

Căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 138; điểm b,p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Lê Hữu Tr 02 (hai) năm tù. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho ủy ban nhân dân phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 4 Điều 328 bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Hội đồng xét xử tuyên bố trả tự do cho bị cáo Nguyễn Lê Hữu Tr ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam về một tội phạm nào khác.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự

Áp dụng Điều 41; Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009; khoản 1, điểm a,b,c khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu bổ sung chứng cứ hồ sơ 01 USB màu đỏ.

Tịch thu sung quỹ nhà nước 500.000 (Năm trăm ngàn) đồng.

Tịch thu và tiêu hủy 01 ổ khóa ghi chữ USC.

Trả lại cho bị cáo Lê Văn S 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia số imei 1: 357887051214285, imei 2: 357887051214293, 01 đồng hồ hiệu Neos màu trắng, 01 giấy phép lái xe tên Lê Văn S và 01 chứng minh nhân dân tên Lê Văn S.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Lê Hữu Tr 01 chiếc điện thoại hiệu Nokia 1280 số imei 350944/04/587795/3, 01 đồng hồ hiệu Julius màu vàng và 01 hộ chiếu tên Nguyễn Lê Hữu Tr.

Trả lại cho ông Huỳnh Kỳ H chiếc xe gắn máy hiệu Wave có biển số 79F6 – 7836 số khung 0093269, số máy 0063269 và 01 giấy đăng ký xe mang tên Huỳnh Kỳ H.

(Theo phiếu nhập kho vật chứng số 20/PNK, 21/PNK và 22/PNK ngày 31/01/2018 của Công an quận Gò Vấp).

Buộc bị cáo Lê Văn S có trách nhiệm bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thu Phương 10.000.000 đồng, chị Đỗ Thị Thư số tiền 17.500.000 đồng, chị Bùi Thị Thu Yên số tiền 19.250.000 đồng, anh Trần Thái Ngọc số tiền 4.500.000 đồng và anh Trần Thái Huy số tiền 2.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị Mỹ Tiên số tiền 45.000.000 đồng, anh Lê Minh Tuấn 20.000.000 đồng và anh A Ly số tiền 12.000.000 đồng. tổng cộng số tiền bồi thường là 130.250.000 (Một trăm ba mươi triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H có trách nhiệm bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thu P 10.000.000 đồng, chị Đỗ Thị T số tiền 17.500.000 đồng, chị Bùi Thị Thu Y số tiền 19.250.000 đồng, anh Trần Thái N số tiền 4.500.000 đồng và anh Trần Thái H số tiền 2.000.000 đồng tổng cộng số tiền bồi thường là 53.250.000 (Năm mươi ba triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Áp dụng khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bị cáo Lê Văn S và Nguyễn Văn H không bồi thường số tiền nêu trên cho những người bị hại thì hàng tháng các bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Việc thi hành án được thực hiện tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Luật Phí và Lệ phí, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng. Bị cáo S còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.512.500 (bảy triệu ba trăm mười hai ngàn năm trăm) đồng, bị cáo H còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.662.500 (Hai triệu sáu trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm) đồng.

Các bị cáo, có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án. Những bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết.

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

(Chủ Tọa đã giải thích chế định án treo)

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- Viện kiểm sát Q. Gò Vấp;
- Thi hành án Q. Gò Vấp;
- Công an Q. Gò Vấp;
- Bị cáo;
- Người bị hại
- Người CQLNVLQ
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Hoàng Ngọc Hải